

Tư duy phản biện trong chính sách công

Critical thinking in public policy

Tư duy phản biện là gì?

John Dewey, 1909

- “Sự suy xét chủ động, kiên trì, cân trọng về một niềm tin hay một giả định khoa học, dưới ánh sáng của những lý lẽ bảo vệ nó và những kết luận xa hơn mà nó hướng tới.”

Tư duy phản biện là gì?

Edward Glaser, 1941

- “(1) là thái độ sẵn lòng quan tâm suy nghĩ chu đáo về những vấn đề và chủ đề xuất hiện trong trải nghiệm cuộc sống cá nhân;
- (2) là hiểu biết về những phương pháp tư duy logic và suy luận có lý;
- (3) là một số kỹ năng trong việc áp dụng các phương pháp đó.”

Tư duy phản biện là gì?

Robert Ennis, 1989

- “Tư duy phản biện là sự suy nghĩ nghiền ngẫm, hợp lý, tập trung vào việc quyết định điều gì để tin hay hành động.”

Tư duy phản biện là gì?

Richard Paul, 1993

- “Là sự suy ngẫm về một đối tượng, nội dung, hay vấn đề - trong đó người suy nghĩ liên tục cải thiện chất lượng suy nghĩ của mình bằng cách khéo léo gia cố những cấu trúc ẩn sau suy nghĩ, và đặt lên đó những tiêu chuẩn về tri thức.”

Tư duy phản biện là gì?

Fisher và Scriven, 1997

- “Là một năng lực học thuật liên quan đến việc đọc và viết.”
- “Là một kỹ năng có thể rèn luyện, là sự chủ động diễn giải và đánh giá những gì được quan sát, trao đổi, hay tranh luận.”

Như thế nào *không* phải tư duy phản biện?

- “Là sự vội vàng kết luận, hay chấp nhận các bằng chứng, lý lẽ, hay quyết định dựa trên thông tin bề mặt.”
- “Là sự thiếu vắng những tiêu chuẩn về tri thức, như là sự rõ ràng, mức độ đầy đủ, hay cấu trúc mạch lạc.”

Thinking skills

Kỹ năng tư duy

- Xác định các lý lẽ và kết luận của một luận điểm
- Xác định và đánh giá các giả định
- Làm sáng tỏ và diễn giải các ý tưởng
- Đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin
- Hình thành và đánh giá các cách giải thích khác nhau
- Ra quyết định
- Suy luận liên tưởng
- Xây dựng luận điểm

Mô hình 6 chiếc mũ

Mũ	Vai trò
White hat	Cân bằng, khách quan, quan tâm đến số liệu, sự kiện, ai, cái gì, ở đâu, bao nhiêu.
Red hat	Duy tình, bao gồm cảm tính, cảm xúc, tình cảm, cảm nhận trực giác.
Black hat	Bí quan, chỉ ra những điểm yếu, sự bế tắc, bao gồm suy nghĩ tiêu cực
Yellow hat	Lạc quan, nhìn vào những điểm mạnh, niềm tin, sự hy vọng, bao gồm tư duy tích cực
Green hat	Sáng tạo, tăng tốc, đổi mới, tiến lên, có nhiều năng lượng, sức sống
Blue hat	Quan tâm đến bức tranh tổng thể, cấu trúc của tư duy, liên kết các “mũ” với nhau.

Edward de Bono's *Six Thinking Hats* (2000)

Phương pháp khoa học

Xác định vấn đề



Hình thành giả thiết



Thiết kế thử nghiệm



Thu thập và phân tích bằng chứng



Đi đến kết luận

Bốn loại giả định

Giả định về bằng chứng

Giả định về nguyên nhân

Giả định về giải pháp

Giả định về giá trị

“Giá sữa tại Việt Nam cao nhất thế giới”

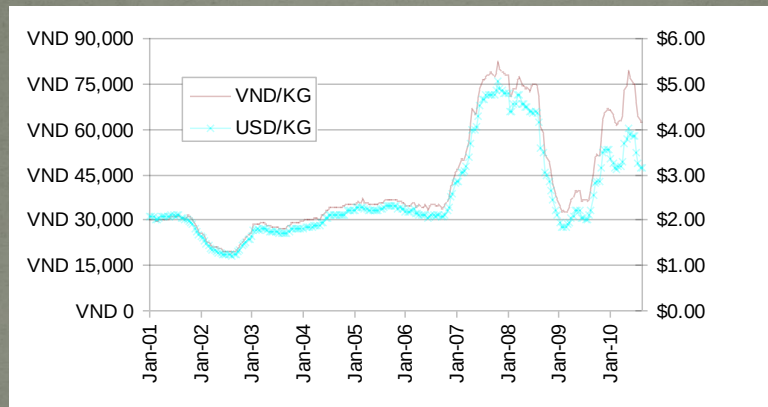


Cập nhật lúc 13:58, Thứ Sáu, 24/04/2009 (GMT+7)

Việc người tiêu dùng tin rằng sữa đắt nhất thì mới tốt nhất, cùng xu hướng chọn mua loại đắt nhất, là những yếu tố khiến giá sữa tại Việt Nam (VN) cao ngất ngưởng.



Giá sữa quốc tế



Giá sữa bán lẻ ở một số thành phố

	Shanghai	HKG	JKT	KL	SIN	BKK	HCMC
Thương hiệu nội địa, sữa tươi	2.46	1.93	1.33	1.73	1.88	1.35	1.38
Thương hiệu nội địa, sữa tiệt trùng	2.31	1.66	1.18	1.32	1.41	1.23	1.24
Sữa lon Abbott Gain Plus 3	-	26.72	22.70	17.23	-	-	19.63
Sữa lon Fonterra Anlene	18.10	-	11.09	10.40	-	-	15.27
Frisian Flag (Dutch Lady) 123 box	-	-	6.97	5.86	-	-	6.00
Frisian Flag (Dutch Lady) 456 box	-	-	6.97	5.86	-	-	6.00
Sữa lon Friesland Friso 3 vàng	-	-	-	-	20.49	-	18.11
Sữa lon MJ Enfagrow A+ 3	-	26.82	23.31	17.31	23.98	-	18.58
Sữa lon MJ Enfakid A+ 4	19.99	21.98	20.86	15.71	21.57	-	15.99
Hộp Nestle Bear Brand 1+	-	-	-	-	-	9.20	7.11
Sữa lon Nestle Nan 2	25.84	27.31	24.39	-	24.06	-	18.91

Giá sữa bán lẻ, TPHCM

Sản phẩm theo ký hoặc lít	Trung bình (VND)	N	Hệ số biến thiên	Tối thiểu (VND)	Tối đa (VND)
Sữa tiệt trùng Vinamilk	22,208	6	0.16	18,636	29,111
Lon Abbot Gain plus advance 3	359,015	11	0.12	244,444	412,500
Lon Abbott Gain Plus 3	342,819	12	0.18	238,889	407,500
Lon Abbott Gain Kid 4	347,571	13	0.09	258,889	398,750
Lon vàng Danone dugro 3	311,991	6	0.11	266,667	350,000
Lon Fonterra Anlene	252,844	8	0.08	225,000	285,500
Lon Frisian Flag 123	198,018	13	0.54	136,667	494,118
Lon Frisian Flag 456	168,726	13	0.31	133,333	300,000
Lon vàng Friesland Friso 3	363,984	14	0.07	308,333	425,000
Lon vàng Friesland Friso 4	318,744	13	0.19	231,444	475,000
Lon MJ Enfagrow A+ 3	334,822	15	0.06	300,000	358,889
Lon MJ Enfakid A+ 4	288,921	14	0.12	238,889	350,000
Lon Nestle Nan 2	357,056	10	0.03	343,333	380,889
Khác: lon Dielac 123	160,313	11	0.11	145,556	207,778
Other: Dielac 456	148,283	11	0.07	127,778	170,000